

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên
Trường Đại học Công nghệ GTVT

Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;


Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Công nghệ GTVT.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ học kỳ II năm học 2019 - 2020. Các văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Giám đốc các cơ sở đào tạo, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các phòng chức năng, các Trung tâm, Trưởng các Khoa, Bộ môn, Giáo viên chủ nhiệm và sinh viên trong toàn Trường căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Đăng website: utt.edu.vn;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Đào Văn Đông

**QUY CHẾ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT**

(Ban hành theo Quyết định số: 1469/QĐ – ĐHCNGTVT ngày 28 tháng 5 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Công nghệ GTVT bao gồm:

1. Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả điểm rèn luyện, tổ chức thực hiện.
2. Văn bản áp dụng đối với sinh viên các hệ đào tạo chính quy đang học tập tại Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.
3. Sinh viên được đánh giá kết quả rèn luyện theo lớp quản lý. Thời gian đánh giá theo kế hoạch đào tạo của khóa học, phù hợp với thời gian thiết kế chương trình đào tạo.

Điều 2. Yêu cầu và nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá; đảm bảo tính khách quan, công khai, công bằng, chính xác tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên phấn đấu và ngăn chặn những biểu hiện sai trái của sinh viên trong quá trình học tập.
2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của sinh viên.
3. Phối hợp đồng bộ chặt chẽ các phòng, ban, các khoa trong việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.
4. Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là công tác thường xuyên của Nhà trường, được tiến hành định kỳ mỗi kỳ học, năm học, toàn khóa học.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của từng sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:
 - a) Ý thức tham gia học tập;
 - b) Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường;

c) Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;

d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;

đ) Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể và các tổ chức khác trong Nhà trường hoặc có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 4. Đánh giá về ý thức tham gia học tập

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức và thái độ trong học tập;

b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;

c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi;

d) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;

đ) Kết quả học tập.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 5. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong Nhà trường

b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế trong Nhà trường và tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt tập thể; ý thức bảo vệ tài sản của Nhà trường, tích cực tham gia lao động vệ sinh môi trường;

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 6. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;

b) Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;

c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 7. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;
- b) Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng;
- c) Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong cơ sở giáo dục đại học hoặc người học đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức đoàn thể, Hội sinh viên và các câu lạc bộ;

b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn TNCSHCM, Hội sinh viên và các câu lạc bộ;

c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, Khoa và Nhà trường;

d) Sinh viên đạt thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

Chương III

PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ

VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 9. Phân loại kết quả rèn luyện

Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: Xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém, cụ thể:

TT	Điểm rèn luyện	Phân loại KQRL
1	Từ 90 đến 100 điểm	Đạt loại xuất sắc
2	Từ 80 đến dưới 90 điểm	Đạt loại tốt
3	Từ 65 đến dưới 80 điểm	Đạt loại khá
4	Từ 50 đến dưới 65 điểm	Đạt loại trung bình

5	Từ 35 đến dưới 50 điểm	Đạt loại yếu
6	Dưới 35 điểm	Đạt loại kém

Điều 10. Phân loại để đánh giá

1. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả điểm rèn luyện không vượt quá loại khá.
2. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả điểm rèn luyện không vượt quá loại trung bình.
3. Trường hợp sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ; sinh viên bị kỷ luật buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.
4. Đối với sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá điểm rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.
5. Đối với sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp.
6. Đối với sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của người học tùy thuộc vào đối tượng hoàn cảnh cụ thể.
7. Đối với sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở giáo dục thì được bảo lưu kết quả rèn luyện ở trường cũ khi học tại Trường mới và tiếp tục được đánh giá kết quả điểm rèn luyện ở các kỳ tiếp theo.
8. Sinh viên học đồng thời hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại lớp quản lý theo chương trình thứ nhất có tham khảo ý kiến, nhận xét của lớp quản lý chương trình thứ hai. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì kết quả rèn luyện sẽ được tiếp tục đánh giá theo chương trình thứ hai.

Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết ghi trên phiếu tự đánh giá kết quả rèn luyện.
2. Trong vòng 01 tuần sau khi sinh viên nộp phiếu tự đánh giá kết quả rèn luyện, Giáo viên chủ nhiệm tổ chức họp lớp tiến hành bình xét cho từng sinh viên, tập thể lớp góp ý, trao đổi và đưa ra ý kiến thống nhất bằng biểu quyết và phải được ghi cụ thể vào biên bản họp lớp và tổng hợp kết quả thông báo cho sinh viên biết (nếu có thắc mắc phải giải thích rõ cho sinh viên). Đồng thời Giáo viên chủ nhiệm gửi kết quả đánh giá của sinh viên đến Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Khoa.

3. Hội đồng đánh giá cấp Khoa họp xét, thống nhất, báo cáo Trưởng khoa thông qua và trình kết quả đánh giá rèn luyện của sinh viên thuộc khoa quản lý lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Trường.

4. Hội đồng cấp Trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

Trong vòng 1 tuần sau khi có kết quả công nhận điểm rèn luyện chính thức, Giáo viên chủ nhiệm phải nhập điểm rèn luyện vào chương trình quản lý đào tạo của Nhà trường.

5. Sinh viên có quyền khiếu nại về việc đánh giá kết quả rèn luyện của Nhà trường đối với mình bằng cách gửi đơn khiếu nại về phòng Đào tạo thông qua Văn phòng “Một cửa”. Khi nhận được đơn khiếu nại, phòng Đào tạo, khoa quản lý sinh viên và Giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm phối hợp giải quyết và trả lời cho sinh viên theo quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên được cập nhập vào chương trình quản lý đào tạo của Nhà trường và hồ sơ sinh viên.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Hội đồng cấp Nhà trường

a) Thành phần Hội đồng cấp Nhà trường

- Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng
- Trưởng phòng Đào tạo	Thường trực
- Đoàn TNCSHCM	Ủy viên
- Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCLĐT	Ủy viên
- Trưởng các Khoa quản lý sinh viên	Ủy viên
- Hội sinh viên	Ủy viên

b) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp Nhà trường

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

- Căn cứ vào quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa quản lý sinh viên, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

Điều 13. Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện và công thức tính điểm rèn luyện

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên được tiến hành theo từng học kỳ, năm học và toàn khoá học.

Thời gian thực hiện: Tuần đầu tiên khi bắt đầu học kỳ.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá trên phiếu đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên của Trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học.

Điều 14. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được lưu trong hồ sơ sinh viên, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng KKHT, chuyển tiếp năm học, dừng học, thôi học, xét lưu trú ký túc xá và xét thi đua khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Kết quả phân loại rèn luyện toàn khoá học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của Nhà trường, làm căn cứ để xét tốt nghiệp và được ghi vào bằng chứng nhận kết quả học tập của sinh viên.

3. Sinh viên có kết quả rèn luyện loại xuất sắc được Nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

4. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngưng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng các khoa có trách nhiệm triển khai Quy chế này đến tất cả Giáo viên chủ nhiệm thuộc đơn vị, tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy trình đánh giá kết quả điểm rèn luyện của sinh viên theo đúng Quy chế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc các Khoa phản ánh thông qua Phòng Đào tạo để trình Hiệu trưởng xem xét quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Quy chế này được áp dụng từ học kỳ II năm học 2019 - 2020. Các văn bản trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đào Văn Đông

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

Họ và tên:..... Lớp:..... Khoa:.....
MSV..... Học kỳ:..... Năm học:.....

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Điểm tối đa	Điểm SV tự đánh giá	Điểm GVCN đánh giá	Điểm Khoa đánh giá
I. Đánh giá về ý thức tham gia học tập	20			
a. Đi học đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc trong giờ học	3			
- Nghỉ học có lý do nhưng không môn học nào nghỉ quá >20% tổng số giờ lên lớp	3			
- Nghỉ học có lý do, có không quá 02 môn học trong học kỳ nghỉ quá 20% tổng số giờ lên lớp	1			
- Nghỉ học, không đủ điều kiện dự thi quá 02 môn học trong học kỳ	0			
b. Không vi phạm quy chế kiểm tra, thi kết thúc môn học trong học kỳ	2			
c. Kết quả học tập (tính lần thi thứ nhất)	12			
- Điểm TBTH: Từ 3,20 đến 4,00	12			
- Điểm TBTH: Từ 2,50 đến 3,19	9			
- Điểm TBTH: Từ 2,00 đến 2,49	6			
- Điểm TBTH: Từ 1,60 đến 1,99	3			
- Điểm TBTH: Dưới 1,6	0			
d. Tham gia NCKH, thi sinh viên giỏi môn học, thi Olympic, ý tưởng sáng tạo	3			
II. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường	25			
a. Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định	15			
- Chấp hành tốt nội quy học đường, quy chế nội trú, ngoại trú, có ý thức bảo vệ tài sản Nhà trường, tham gia BHYT theo quy định	15			
- Vi phạm nội quy học đường, quy chế nội trú, ngoại trú, thiếu ý thức bảo vệ tài sản Nhà trường (chưa đến mức xử lý kỷ luật) hoặc không tham gia BHYT theo quy định	5			
- Vi phạm nội quy học đường, quy chế nội trú, ngoại trú, thiếu ý thức bảo vệ tài sản Nhà trường (vi phạm từ mức cảnh cáo trở lên)	0			
b. Nộp học phí	10			
- Nộp học phí trong học kỳ, năm học đúng thời gian quy định	10			
- Nộp học phí muộn theo quy định	5			
- Không nộp học phí theo quy định	0			

III. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội	20			
a. Tham gia học đầy đủ tuần sinh hoạt công dân, các buổi sinh hoạt tập thể; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, các buổi đối thoại, giao lưu do Khoa, Nhà trường tổ chức; không vi phạm các quy định về phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội; tích cực tuyên truyền về phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội; tham gia các CLB đoàn, đội của Trường	20			
b. Tham gia không đầy đủ các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội (vắng mặt không quá 02 buổi theo thông báo triệu tập của GVCN, Khoa, các đơn vị và Nhà trường trong một học kỳ)	10			
c. Không tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội theo thông báo triệu tập của GVCN, Khoa, Nhà trường trong một học kỳ	0			
IV. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng	25			
a. Biết giúp đỡ, cảm thông, chia sẻ, hỗ trợ những người kém may mắn hơn như giúp đỡ các bạn cùng lớp, cùng Trường có điều kiện khó khăn; tham gia hiến máu nhân đạo; tham gia tình nguyện hè, ủng hộ người nghèo, thiên tai..	10			
b. Nhận thức rõ trách nhiệm của bản thân với gia đình, Nhà trường và xã hội; trách nhiệm của bản thân với cộng đồng	5			
c. Có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường chung	5			
d. Không vi phạm về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, luật an toàn giao thông	5			
V. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Nhà trường hoặc đạt được thành tích trong học tập, rèn luyện của sinh viên	10			
a. Được đánh giá xác nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ	3			
b. Đạt kết quả học tập xếp loại khá trở lên trong học kỳ	3			
c. Được tuyên dương khen thưởng từ cấp Trường trở lên	4			
TỔNG ĐIỂM:	100			

Kết luận: KQ Rèn luyện HK....:điểm; Xếp loại:.....

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

GVCN-CVHT
(ký ghi rõ họ tên)

TM. BAN CÁN SỰ LỚP
(ký ghi rõ họ tên)

SINH VIÊN
(ký ghi rõ họ tên)